TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **111**/2018/QĐST - HNGĐ	*T, ngày 04 tháng 7 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 205/2018/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1981;

Bị đơn: Anh Trần Quốc H, sinh năm 1976;

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2018,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Trần Thị Mai T, sinh năm 1981 và bị đơn anh Trần Quốc H, sinh năm 1976.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Chị Trần Thị Mai T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Trần Song N, sinh ngày 03/8/2004 cho đến khi thành niên. Anh Trần Quốc H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên Trần Nhật T, sinh ngày 02/3/2006 cho đến khi thành niên. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con qua lại cho nhau nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con lẫn nhau, không bên nào được ngăn cản.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Mai T phải nộp 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số N 0012692 ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Chị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện T;
- Các đương sự để thi hành;
- Cc. Thi hành án DS h.T;
- UBND xã G;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Phú Phước